

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2024
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Triệu Vỹ
2. Bà Vũ Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST- HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXX-ST ngày 26/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà 073, đường H, tổ 4 phường Đ, thành phố L, tỉnh L (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 073, đường H tổ 4, phường Đ, thành phố L, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:*

Chị và anh Vũ Văn M kết hôn ngày 01/10/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh

mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh M vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn M.

Về con chung: Chị và anh Vũ Văn M có 01 con chung, cháu Vũ Uy K, sinh ngày 02/4/2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị Nông Thị T và anh Vũ Văn M thể hiện: Anh M và chị T trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có ý kiến về thủ tục tố tụng như sau: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công, tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Vũ Văn M.

Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Uy K, sinh ngày 02/4/2017 cho chị Nông Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu anh Vũ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nông Thị T và bị đơn anh Vũ Văn M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, phường Đ, thành phố L, tỉnh L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn M đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 01/10/2015 chị Nông Thị T kết hôn với anh Vũ Văn M, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh L, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Hiện nay chị và anh M vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến của mình về việc chị T xin ly hôn với anh, qua đó thể hiện anh

M không quan tâm đến việc hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh M và chị T là có mâu thuẫn và căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án ngày 21/02/2024 tại tổ dân phố số 4, phường Đ cho thấy: Anh M và chị T trong quá trình chung sống vợ chồng là có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Vũ Văn M.

[4] Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Vũ Văn M có 01 con chung cháu Vũ Uy K, sinh ngày 02/4/2017. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Uy K cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy chị T có việc làm và thu nhập ổn định 9.000.000 đồng /01 tháng và có nhà ở ổn định và cháu Vũ Uy K có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét về điều kiện nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng chị T đảm bảo tốt điều kiện về mọi mặt của con. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc nuôi con chung. Vì vậy cần giao cho chị Nông Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vũ Uy K, sinh ngày 02/4/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu anh Vũ Văn M cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ

luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Vũ Văn M.

[2] Việc nuôi con: Giao cho chị Nông Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Vũ Uy K, sinh ngày 02/4/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000115 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L. Chị Nông Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP.L;
- UBND phường Đ, TP L, tỉnh L;
- Lưu HSVA.

Phạm Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND TP. L;
- Chi cục THADS TP.L;
- UBND thị trấn Sìn hồ,
huyện Sìn Hồ, tỉnh L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

